

2.2. Về con chung: chị Nguyễn Thị T và anh Đào Văn L xác định quá trình chung sống, vợ chồng có 01 con chung tên Đào Phương U, sinh ngày 13/3/2012. Chị T, anh L nhất trí thỏa thuận về người trực tiếp nuôi dưỡng con chung như sau: Giao

con chung: Cháu Đào Phương U, sinh ngày 13/3/2012 cho chị Nguyễn Thị T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung cho đến khi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Anh L có quyền thăm và chăm sóc con chung, không ai được quyền ngăn cản.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Ghi nhận Anh L tự nguyện thỏa thuận cấp dưỡng nuôi con chung (cháu Đào Phương U, sinh ngày 13/3/2012) cùng chị T mỗi tháng 3.000.000đ (ba triệu đồng/tháng)

Thời điểm thực hiện cấp dưỡng: kể từ tháng 9/2020 cho đến khi con chung trưởng thành (đủ 18 tuổi) hoặc khi chị T có thay đổi việc cấp dưỡng.

Vì lợi ích của con chung, khi cần thiết các bên có quyền làm đơn xin thay đổi việc nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định pháp luật.

Về lãi suất chậm thi hành khoản tiền cấp dưỡng: chị T, anh L thỏa thuận áp dụng khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án

Kể từ ngày thỏa thuận có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án về khoản tiền cấp dưỡng nuôi con, nếu bên có nghĩa vụ cấp dưỡng chậm thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng thì hàng tháng còn phải chịu khoản tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

2.3. *Về tài sản chung:* Chị Nguyễn Thị T và anh Đào Văn L xác định không có tài sản chung, không đặt ra việc giải quyết.

2.4. *Về nợ chung:* Chị Nguyễn Thị T và anh Đào Văn L xác định không có nợ chung, không đặt ra việc giải quyết.

2.5. *Án phí:* Chị Nguyễn Thị T và anh Đào Văn Lợi thỏa thuận: Chị Nguyễn Thị T tự nguyện nhận nộp toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm 150.000đ và án phí cấp dưỡng nuôi con 150.000đ, tổng cộng hai khoản : 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng). Chị T được đối trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu số 0004834 ngày 24/7/2020 của Chi Cục thi hành án Dân sự thị xã Phổ Yên. Xác nhận đã nộp đủ.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- TAND tỉnh Thái Nguyên;
- VKS thị xã Phổ Yên;
- THADS thị xã Phổ Yên;
- UBND xã Tiên Phong;
- (cơ quan đăng ký kết hôn);
- Cổng thông tin điện tử Tòa án;
- Lưu HS.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Thu Hà

